TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BẾN CÁT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 446/2020/QĐST-HNGĐ	*Bến Cát, ngày 18 tháng 9 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 784/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2020 về việc "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con", giữa:

Nguyên đơn: Ông Đặng Hoàng S, sinh năm: 1990

Tạm trú: khu phố P, phường Hòa L, thị xã B, tỉnh B

Bị đơn: Bà Lê Tuyết K, sinh năm: 1990

Tạm trú: khu phố P, phường H, thị xã B, tỉnh B

Cùng HKTT: Ấp 6A, xã A, huyện C, tỉnh T

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 9 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 9 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Đặng Hoàng S và bà Lê Tuyết K.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Ông Đặng Hoàng S và bà Lê Tuyết K thống nhất thuận tình ly hôn.

Về con chung:

- Giao cháu Đặng Ngọc M, sinh ngày 05/4/2014 cho ông Đặng Hoàng S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông S không yêu cầu bà K cấp dưỡng nuôi cháu M.

- Giao cháu Đặng Ngọc N, sinh ngày 22/7/2016 cho bà Lê Tuyết K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà K không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi cháu N.

Ông S và bà K hai bên được quyền đi lại, thăm nom chăm sóc con chung. Không ai được cản trở ông S và bà K thực hiện quyền này.

Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung, một hoặc cả hai bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Về án phí: Ông Đặng Hoàng S và bà Lê Tuyết K mỗi bên đồng ý chịu 75.000 đồng (bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Tuy nhiên, ông S đồng ý nộp thay cho bà K số tiền 75.000 đồng (bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nên được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số AA/2016/0048095 ngày 09/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh B. Ông S được nhận lại 150.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014)./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- Ủy ban nhân dân xã A,
huyện C, tỉnh T;
- Lưu: HSVA, VT.

THẨM PHÁN

Đậu Thị Thảo